TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn:* Bà Trần Kim C (Hậu), sinh năm 1972 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2021, biên bản hòa giải 22/4/2021, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 30/11/2017, bà có cho bà Trần Kim C (Hậu) vay số tiền 100.000.000 đồng, không xác định thời hạn vay, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, bằng số tiền 6.000.000 đồng/tháng. Bà C có đóng lãi cho bà được 07 tháng. Kể từ thời điểm bà C ngưng đống lãi cho đến nay thì bà C chưa trả vốn và lãi cho bà.

Nay nay bà yêu cầu bà Trần Kim C (Hậu) trả cho bà số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước là 20%/năm bằng 1,66%/tháng. Cụ thể: 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 34 tháng = 56.440.000 đồng. Tổng cộng 156.440.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và tại phiên tòa bà Trần Kim C (Hậu) trình bày: Bà thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian vay tiền và đóng lãi như nguyên đơn trình bày. Bà thừa nhận biên nhận ngày 30/11/2017, có vay số tiền

100.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng, bà đóng lãi được 07 tháng. Tai phiên hòa giải và tại phiên tòa bà cho rằng hiện nay gặp khó khăn nên yêu cầu bà H không tính lãi suất. Nay bà đồng ý trả số tiền vốn cho bà H 100.000.000đồng. Không đồng ý trả số tiền lãi 56.440.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kim C (Hậu) có nơi cư trú tại khóm 4, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày, vào ngày 30/11/2017, nguyên đơn có cho bà Trần Kim C (Hậu) vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng =6.000.000 đồng/tháng, có làm biên nhận nợ, bà C đã được 07 tháng lãi. Từ đó đến nay bà C không trả vốn cũng không trả lãi.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Trần Kim C trả cho nguyên đơn số tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ thời điểm bà C ngưng trả lãi cho đến nay theo lãi suất nhà nước quy định. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ ngày 30/11/2017 có thể hiện nội dung bà C vay số tiền của bà H và có ký xác nhận của bà C số tiền 100.000.000 đồng;

Xét, giao dịch vay tiền giữa bà Trần Thị H với bà Trần Kim C là thực tế và bà C thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và tại phiên tòa nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của bà C là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa bà C cũng thừa nhận trong biên nhận có thể hiện lãi suất 6%/tháng khi vay và bà cũng đã trả lãi được 07 tháng nhưng do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên bà xin không đóng lãi.

Tại phiên tòa bà H tiếp tục yêu cầu bà C trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong biên nhận vay tiền ngày 30/11/2017 có thể hiện lãi suất 6%/tháng và bà C cũng thừa nhận đã đóng lãi được 7 tháng. Từ khi ngưng đóng lãi đến nay (từ ngày 30/6/2018 đến ngày xét xử là 26/4/2021) là 34 tháng. Lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và không vượt quá 1,66%/tháng nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ được chấp nhận. Số tiền lãi được tính 100.000.000 đồng x 34 tháng x 1,66%/tháng= 56.440.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trần Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 157, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Kim C (Hậu) trả cho bà Trần Thị H số tiền 156.440.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Kim C không thi hành xong khoản tiền trên, bà Trần Kim C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Trần Kim C phải nộp số tiền 7.822.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*); Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0004011 ngày 02/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công